TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2023
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đỗ Thị Hải và ông Phạm Ngọc Tân.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh T – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị Kim S** – sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Lê Quốc T** - sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt chị Trương Thị Kim S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày ngày 07/10/2013. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng rồi giữa anh chị thường xuyên cải vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nên không thể sống chung với nhau được. Từ năm 2022, chị và anh T không còn sống chung với nhau. Chị đang làm thuê, mướn tại thành phố H. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh T được nữa, hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Quỳnh T – sinh ngày 17/12/2013 và Lê Ngọc Bảo H – sinh ngày 10/12/2016. Cháu T đang sống cùng chị. Cháu H đang sống cùng anh T. Chị có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đồng ý nhường quyền nuôi cháu H cho anh T, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu 02 con chung có nguyện vọng muốn sống cùng anh T thì chị đồng ý nhường quyền nuôi con chung cho anh T, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Lê Quốc T nhưng anh T không đến Toà án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Kim S. Về hôn nhân: Chị S được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Quỳnh T – sinh ngày 17/12/2013 và Lê Ngọc Bảo H – sinh ngày 10/12/2016 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị S không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị Kim S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Quốc T. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị S và anh T xảy ra mâu thuẫn, chị S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị S và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 07/10/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị S đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, anh chị không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn hòa hợp. Anh T không có lời trình bày nên Hội đồng xét xử thấy giữa chị S và anh T không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa các bên đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

Về con chung: Chị S và anh T có 02 con chung tên Lê Thị Quỳnh T – sinh ngày 17/12/2013 và Lê Ngọc Bảo H – sinh ngày 10/12/2016. Hiện tại, các con chung đang sống cùng anh T. Các cháu T, H có nguyện vọng muốn sống cùng cha, chị S nhường quyền nuôi các con chung cho anh T. Anh T không có lời trình bày nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của các con chung nên giao các cháu Lê Thị Quỳnh T – sinh ngày 17/12/2013 và Lê Ngọc Bảo H – sinh ngày 10/12/2016 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí: chị Trương Thị Kim S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Trương Thị Kim S được ly hôn với anh Lê Quốc T.

* Về con chung: giao các cháu Lê Thị Quỳnh T – sinh ngày 17/12/2013 và Lê Ngọc Bảo H – sinh ngày 10/12/2016 cho anh Lê Quốc T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng

không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về Tài sản chung: Không giải quyết.

* Về án phí: Chị Trương Thị Kim S phải chịu **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0009618, ngày 01/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị S đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương